

Phụ lục
ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH
NĂM 2011 - NĂM ĐẦU CỦA THỜI KỲ ỒN ĐỊNH NGÂN SÁCH
(Kèm theo Nghị quyết số 13/2010/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2010
của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	Chi sự nghiệp giáo dục		
1.1	Định mức phân bổ cấp thành phố (phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 1-18 tuổi)	đồng/người dân/năm	652,207
	* Định mức phân bổ dự toán các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		
a	Các lớp cấp 2 trong trường phổ thông trung học		
	- Đơn vị thực hiện Nghị định số 43/2006 NĐ-CP, loại 3	đồng/lớp/năm	12,700,000
	- Đơn vị thực hiện Nghị định số 43/2006 NĐ-CP, loại 2	đồng/lớp/năm	11,500,000
b	Các lớp cấp 3 trong trường phổ thông trung học		
	- Đơn vị thực hiện Nghị định số 43/2006 NĐ-CP, loại 3	đồng/lớp/năm	20,000,000
	- Đơn vị thực hiện Nghị định số 43/2006 NĐ-CP, loại 2	đồng/lớp/năm	18,000,000
c	Các trường chuyên biệt		
	- Trường Chuyên	đồng/lớp/năm	26,500,000
	- Trường Dân tộc nội trú	đồng/lớp/năm	34,500,000
	- Trường Dạy trẻ Khuyết tật	đồng/lớp/năm	31,000,000
1.2	Định mức phân bổ Quận, huyện		
	- Chi cho con người (bao gồm tiền lương, phụ cấp thường xuyên và các khoản có tính chất lương): tỷ lệ 80%		theo mức lương thực tế và biên chế được giao, tương đương 80% tổng chi
	- Chi hoạt động: tỷ lệ 20%		tương đương 20% tổng chi
2.	Chi sự nghiệp đào tạo		
a	Thành phố		
	- Trường Cao đẳng, Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật	ngàn đồng/học sinh/năm	2,700
	- Trường Cao đẳng Nghề	ngàn đồng/học sinh/năm	3,300
	- Trường Cao đẳng Y tế	ngàn đồng/học sinh/năm	4,500
	- Trường Chính trị	ngàn đồng/học sinh/năm	6,000
	- Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật, Trung cấp Thể dục Thể thao	ngàn đồng/học sinh/năm	12,000
b	Quận, huyện: (bao gồm kinh phí đào tạo lại cán bộ công chức)	triệu đồng/đơn vị/năm	1,500
3	Chi sự nghiệp y tế		
3.1	Định mức phân bổ cấp thành phố	đồng/người dân/năm	62,154
	* Định mức phân bổ dự toán các đơn vị trực thuộc Sở Y tế		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
	- Bệnh viện Đa khoa, bệnh viện Nhi đồng	triệu đồng/giường bệnh/năm	45
	- Bệnh viện hạng II	triệu đồng/giường bệnh/năm	42
	- Bệnh viện hạng III	triệu đồng/giường bệnh/năm	40
3.2	Quận, huyện		
a	Bệnh viện	triệu đồng/giường bệnh/năm	
	+ Chi tiền lương, phụ cấp thường xuyên và các khoản có tính chất lương		theo mức lương thực tế và biên chế được giao
	+ Chi hoạt động	triệu đồng/giường bệnh/năm	20
b	Trung tâm y tế dự phòng		
	+ Chi tiền lương, phụ cấp thường xuyên và các khoản có tính chất lương		theo mức lương thực tế và biên chế được giao
	+ Chi hoạt động	đồng/người dân/năm	2,300
c	Trạm y tế xã, phường, thị trấn		
	+ Chi tiền lương, phụ cấp thường xuyên và các khoản có tính chất lương		theo mức lương thực tế và biên chế được giao
	+ Chi hoạt động	đồng/người dân/năm	2,000
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin		
	- Thành phố	đồng/người dân/năm	9,909
	- Quận, huyện	đồng/người dân/năm	7,700
5	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình		
	- Thành phố	đồng/người dân/năm	9,116
	- Quận, huyện	đồng/người dân/năm	4,000
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
	- Thành phố	đồng/người dân/năm	20,262
	- Quận, huyện	đồng/người dân/năm	3,200
7	Chi quản lý nhà nước và đoàn thể		
7.1	Đối với cán bộ công chức trong biên chế		
7.1.1	Chi tiền lương, phụ cấp thường xuyên và các khoản có tính chất lương		theo mức lương thực tế và biên chế được giao
7.1.2	Chi hoạt động (kể cả kinh phí khen thưởng)		
a	Cấp thành phố		
	- Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	triệu đồng/biên chế/năm	36
	- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
	+ Đơn vị từ 5 đến 10 biên chế	triệu đồng/biên chế/năm	33
	+ Đơn vị từ 11 đến 20 biên chế	triệu đồng/biên chế/năm	31
	+ Đơn vị từ 21 đến 40 biên chế	triệu đồng/biên chế/năm	29
	+ Đơn vị trên 40 biên chế	triệu đồng/biên chế/năm	28
	+ Các Chi cục và Liên minh hợp tác xã	triệu đồng/biên chế/năm	26
	+ Các Trung tâm, các đơn vị sự nghiệp thuộc Chi cục	triệu đồng/biên chế/năm	24
b	Cấp quận, huyện	triệu đồng/biên chế/năm	28
7.2	Đối với nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương và hoạt động phí)	triệu đồng/người/năm	55
8	Chi ngân sách phường, xã, thị trấn		
	- Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương		theo mức lương thực tế và biên chế được giao
	- Chi hoạt động: (binh quân 6 khu vực (ấp)/phường, xã, thị trấn)	triệu đồng/đơn vị/năm	530
	- Định mức bổ sung cho mỗi khu vực (ấp) tăng thêm	triệu đồng/đơn vị/năm	20
9	Các sự nghiệp và các khoản chi còn lại được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách		

*** Ghi chú:**

- Định mức trên đã tính theo mức lương tối thiểu 730.000 đồng (theo Nghị định số 28/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu chung) và các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành